TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2025/KDTM-ST.
Ngày: 28 - 11 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A - Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2025, Tòa án nhân dân khu vực A - Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2025/DSST, ngày 05/8/2025, về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3776/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 23/10/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 4355/2025/QĐST-KDTM, ngày 12/11/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải H.T (tên công ty viết tắt: H.T CO.,LTD); địa chỉ trụ sở chính: Số H, đường B, (phường V, quận Đ) phường O, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị L; chức vụ: Kế toán; địa chỉ: Số K đường N (phường V, quận G), phường N), Thành phố H. Theo Giấy ủy quyền số 0103/2025/UQ-HNT, lập ngày 01/3/2025 và số 17/2025/CV-HNT, ngày 24/10/2025.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại chuyển phát nhanh Đ.P; địa chỉ trụ sở chính: Số N đường số H (Phường B, quận G), phường H.T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai A.T, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số C đường B (Phường H, quận T), phường T.S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 28/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - bà Hà Thị L trình bày:

Công ty TNHH giao nhận vận tải H.T (sau đây gọi tắt là Công ty H.T) và Công ty TNHH dịch vụ thương mại chuyển phát nhanh Đ.P (sau đây gọi tắt là Công ty Đ.P) ký kết Hợp đồng giao nhận vận tải hàng hóa số 01072020HNT-DPE, ngày 01/7/2020.

Theo Hợp đồng, Công ty H.T làm dịch vụ giao nhận vận chuyển quốc tế và nội địa cho các loại hàng hóa thông thường theo tiêu chuẩn vận chuyển hàng không cho Công ty Đ.P. Giá cước vận tải và phí dịch vụ cho việc vận chuyển của từng lô hàng sẽ được hai bên xác nhận từng lần bằng điện thoại hoặc email. Thời điểm thanh toán: Công ty Đ.P có trách nhiệm thanh toán công nợ cho Công ty H.T trong vòng 30 ngày kể từ ngày hàng đi, nếu quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty H.T có quyền tính lãi suất khoản nợ theo lãi suất của Ngân hàng Vietcombank.

Công ty H.T đã phát hành các hóa đơn thu Công ty Đ.P chi tiết như sau:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0023723, ký hiệu HT/20E, ngày 02/11/2021 về cước hàng không HAN-FRA, số tiền 4.630.225.974 đồng

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 8708, ký hiệu 1C22THT, ngày 22/12/2022 về cước hàng không, số tiền 686.360.737 đồng.

Tổng số tiền hai hóa đơn giá trị gia tăng là 5.316.586.711 đồng.

Công ty Đ.P không thắc mắc gì về chất lượng công việc đã hoàn thành và giá cước vận tải. Năm 2021, 2022 và 2023, Công ty Đ.P đã thanh toán cho Công ty H.T tổng số tiền là 3.950.225.974 đồng, còn nợ lại cước phí vận chuyển.

Công ty H.T đã nhiều lần gọi điện, mail, gửi công văn đôn đốc yêu cầu Công ty Đ.P thanh toán công nợ còn lại nhưng Công ty Đ.P né tránh, không trả. Do đó, Công ty H.T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Công ty Đ.P phải có nghĩa vụ trả cho Công ty H.T tổng tiền cước hàng không tính đến ngày 05/3/2025 theo Hợp đồng giao nhận vận chuyển hàng hóa số 01072020HNT-DPE, ngày 01/7/2020 và Công văn lập ngày 19/01/2023 về việc xác nhận số dư phải thu tại ngày 31/12/2022 cho mục đích kiểm toán.

Trong đó nợ gốc là 1.366.360.737 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0023723, ký hiệu HT/20E, ngày 02/11/2021 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 8708, ký hiệu 1C22THT, ngày 22/12/2022.

Ngoài ra, Công ty Đ.P phải trả tiền lãi trên số tiền nợ chậm trả theo Hợp đồng giao nhận vận chuyển hàng hóa số 01072020HNT-DPE, ngày 01/7/2020.

- Yêu cầu trả tiền ngay khi Bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn - Công ty Đ.P:

Từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Đ.P không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H.T.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm;

3.1. Đại diện nguyên đơn - bà Hà Thị L trình bày:

Công ty H.T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Hà Thị L trình bày bổ sung: Sau khi ký xác nhận tiền nợ theo Công văn xác nhận số dư ngày 19/01/2023, thì ngày 08/02/2023 và ngày 29/8/2023, Công ty Đ.P đã trả cho Công ty H.T số tiền 155.000.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 1.366.360.737 đồng.

Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tại Điều 2.2 có ghi rõ: Nếu quá hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên thì Công ty H.T có quyền tính lãi suất khoản nợ theo lãi suất quá hạn của ngân hàng Vietcombank.

Về tiền lãi cụ thể như sau:

- Đối với hóa đơn 0023723: Số tiền nợ là 1.300.000.000 đồng, thời gian nợ là 1457 ngày, lãi suất 6%/năm = 311.358.904 đồng;

- Đối với hóa đơn 8708: Số tiền nợ là 66.360.737 đồng, thời gian nợ là 1042 ngày, lãi suất 6%/năm = 11.366.776 đồng;

Tổng cộng nợ cước vận chuyển là 1.366.360.737 đồng và tiền lãi là 322.725.680 đồng. Tổng cộng là 1.689.086.417 đồng.

Thời gian trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau ngày 29/11/2025, Công ty H.T yêu cầu Công ty Đ.P tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi trả hết nợ phí vận chuyển do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Theo thỏa thuận tại hợp đồng hoặc theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại quy định về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của các ngân hàng thương mại (Tiền lãi 03 Ngân hàng hiện đang quy định Lãi suất cho vay ngắn hạn như sau: Vietcombank: 6.5%; Vietinbank: 6,3%; BIDV: 6.4%). Lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng là 6.4%/năm. Công ty H.T chỉ yêu cầu Công ty Đ.P trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Vietcombank là 6%/năm.

3.2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Căn cứ Điều 513, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005.

+ Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.366.360.737 đồng và lãi suất chậm trả 6%/năm tính trên số tiền nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Công ty H.T khởi kiện yêu cầu Công ty Đ.P trả tiền nợ từ hợp đồng dịch vụ. Tại Phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp ngày 14/11/2025, Công ty Đ.P có trụ sở tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa đăng ký giải thể. Căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng:

Đối với bị đơn - Công ty Đ.P được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn - Công ty H.T:

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 01/7/2020, Công ty H.T và Công ty Đ.P ký Hợp đồng giao nhận vận chuyển hàng hóa số 01072020HNT-DPE. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo Công văn ngày 19/01/2023, Công ty Đ.P thừa nhận số tiền nợ phí vận chuyển là 1.521.360.737 đồng. Công ty H.T xác nhận ngày 08/02/2023 và ngày 29/8/2023, Công ty Đ.P đã trả cho Công ty H.T số tiền 155.000.000.000 đồng, số tiền nợ phí vận chuyển còn lại là 1.366.360.737đồng.

Sau khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Công ty Đ.P không nộp (gửi) cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H.T. Công ty Đ.P vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho Công ty H.T. Điều đó thể hiện, Công ty Đ.P còn nợ Công ty H.T số tiền 1.366.360.737 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0023723, ký hiệu HT/20E, ngày 02/11/2021 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 8708, ký hiệu 1C22THT, ngày 22/12/2022. Do đó, Căn cứ 513, 519 Bộ luật dân sự năm 2015, xét yêu cầu của Công ty H.T có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng quy định về thanh toán, các bên đã tự nguyện thỏa thuận: *Tiền cước sẽ được thanh toán trong thời hạn 30 ngày giao nhận vận chuyển hàng hóa… Nếu quá hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên, Công ty H.T có quyền tính lãi suất khoản nợ theo lãi suất quá hạn của ngân hàng Vietcombank*. Tại thời điểm xét xử, lãi suất cho vay ngắn hạn Vietcombank là 6.5%. Công ty H.T yêu cầu Công ty Đ.P trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cước với mức lãi suất là 6%/năm, mức lãi suất này thấp hơn quy định của Vietcombank là có lợi cho Công ty Đ.P. Trừ 30 ngày các bên đã thỏa thuận, Công ty H.T yêu cầu Công ty Đ.P trả tiền lãi cụ thể như sau:

- Đối với hóa đơn 0023723: Số tiền nợ là 1.300.000.000 đồng, thời gian nợ là 1457 ngày, lãi suất 6%/năm = 311.358.904 đồng;

- Đối với hóa đơn 8708: Số tiền nợ là 66.360.737 đồng, thời gian nợ là 1042 ngày, lãi suất 6%/năm = 11.366.776 đồng;

Tổng cộng nợ cước vận chuyển là 1.366.360.737 đồng và tiền lãi là 322.725.680 đồng. Tổng cộng là 1.689.086.417 đồng.

Xét thời gian nợ cước phí vận chuyển cũng như mức lãi suất mà Công ty H.T yêu cầu Công ty Đ.P trả, phù hợp với ý chí của các bên được ghi nhận trong hợp đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi.

Do Công ty Đ.P vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Công ty H.T yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì từ ngày 29/11/2025, Công ty Đ.P có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi 6%/năm cho đến khi trả hết nợ phí vận chuyển cho Công ty H.T.

Công ty Đ.P không yêu cầu phản tố, Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Yêu cầu của Công ty H.T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty H.T tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện.

Công ty Đ.P có nghĩa vụ trả cho Công ty H.T số tiền 1.689.086.417 đồng. Công ty Đ.P chịu án phí là 62.672.593 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 513 và 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải H.T.

1.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại chuyển phát nhanh Đ.P có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải H.T số tiền nợ cước vận chuyển là 1.366.360.737 đồng và tiền lãi là 322.725.680 đồng. Tổng cộng là 1.689.086.417 đồng theo Hợp đồng giao nhận vận chuyển hàng hóa số 01072020HNT-DPE, ngày 01/7/2020 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0023723, ký hiệu HT/20E, ngày 02/11/2021 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 8708, ký hiệu 1C22THT, ngày 22/12/2022.

Thời gian trả tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Từ ngày 29/11/2025, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại chuyển phát nhanh Đ.P có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ phí vận chuyển theo mức lãi suất 6%/năm cho đến khi trả hết số tiền nợ cước phí vận chuyển cho Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải H.T.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận tải H.T tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 31.746.030 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007382, ngày 05/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại chuyển phát nhanh Đ.P phải nộp là 62.672.593 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV A-TPHCM;
- Phòng THADS KV A-TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hạnh